

TÂM NHÌN SÁNG TẠO CHIẾN LƯỢC CỦA HỒ CHÍ MINH KHI TIẾP NHẬN HỌC THUYẾT MÁC VÀ THẮNG LỢI CỦA CÁCH MẠNG THÁNG TÁM

HOÀNG VĂN LÂN*

Ngày 5 - 6 - 1911, người thanh niên Nguyễn Tất Thành xuống tàu, với tư cách người lao động, ra nước ngoài tìm đường cứu nước.

Anh lên đường với một hành trang tinh thần đặc trưng cho một quốc gia văn hiến Á Đông, với những thành tố chủ yếu: Tư tưởng và văn hoá phương Đông; truyền thống yêu nước của dân tộc Việt Nam; tư tưởng để thắng địch thì cần phải hiểu địch; kinh nghiệm qua những thất bại của các phong trào chống Pháp suốt nửa sau thế kỷ XIX đến đầu thế kỷ XX với những hy sinh to lớn "trong cuộc đấu tranh tuyệt vọng của một dân tộc bị áp bức"¹; sự lan tràn không thể đảo ngược của làn sóng văn minh công nghiệp xâm nhập vào khắp châu lục; những nhận thức về sự thức tỉnh của châu Á, về công cuộc Duy tân Minh Trị ở Nhật Bản, về khẩu hiệu của cách mạng Pháp: "tự do, bình đẳng, bác ái" mà Người được nghe từ lúc 13 tuổi.

Với hành trang đó, Nguyễn Ái Quốc đã lên đường để tìm hiểu tận nguồn bí quyết thành công của phương Tây và làm quen với nền văn minh Pháp, tìm xem những gì ẩn đằng sau những chữ tự do, bình đẳng, bác ái. Chính sự tìm hiểu tận nguồn ấy đã thúc đẩy Nguyễn Ái Quốc gia nhập vào đời sống chính trị thế giới

đang sôi động do tác động của chiến tranh thế giới thứ nhất cùng với chấn động thời đại của Cách mạng tháng Mười Nga 1917. Trong suốt 6 năm (từ 1911 đến 1917), Nguyễn Ái Quốc đã đi tới nhiều châu lục để khám phá thế giới. Nguyễn Ái Quốc đến Pari, trung tâm chính trị và văn hoá của thế giới thời bấy giờ. Ở Pari, Nguyễn Ái Quốc, nhân danh một dân tộc nô lệ đi "tìm con đường độc lập từ chế độ thuộc địa", đã tiếp nhận học thuyết Mác.

Chính từ xuất phát đó mà cách tiếp nhận học thuyết Mác của Nguyễn Ái Quốc, khác với nhiều nhân vật lịch sử cùng thời, đã mang tính chất sáng tạo chiến lược và chính điều này sẽ quyết định thắng lợi của cách mạng giải phóng dân tộc ở Việt Nam.

Đại hội thành lập QTCS (3 - 1919) đã xác định khẩu hiệu chiến lược "Vô sản tất cả các nước và các dân tộc bị áp bức đoàn kết lại". Nhưng việc thực thi khẩu hiệu đó đã gặp khó khăn ngay cả trong phong trào cộng sản, bởi quan điểm cho rằng, cách mạng vô sản ở chính quốc thành công sẽ giúp cho sự thắng lợi của cách mạng giải phóng thuộc địa; việc giải phóng các dân tộc thuộc địa phụ thuộc vào sự thành công của cách mạng vô sản ở chính quốc.

Cho đến những năm hai mươi của thế kỷ XX, quan điểm chung của QTCS là cách mạng vô sản ở các nước công nghiệp Tây Âu và Bắc

* Đại học Vinh

Mỹ là chủ thể đóng vai trò quyết định tiến trình phát triển. Thắng lợi của cách mạng chính quốc là điều kiện tiên quyết cho công cuộc giải phóng thuộc địa. Nhận thức rõ nhược điểm của cách mạng phương Đông cũng như của Việt Nam là sự cô lập trong khi tư bản chính quốc thì liên kết thành hệ thống, Nguyễn Ái Quốc tìm chỗ dựa quốc tế và ra sức học hỏi nhiều từ tư tưởng phương Tây trong đó có học thuyết Mác. Nhưng ngay trong khi tìm chỗ dựa quốc tế ở phong trào cộng sản và phong trào công nhân, Nguyễn Ái Quốc vẫn tự xác định được niềm tin vào cách mạng giải phóng dân tộc và khẳng định rằng cách mạng ở chính quốc và thuộc địa có tác dụng tương hỗ, công cuộc giải phóng thuộc địa không nhất thiết phải chờ sự thành công của cách mạng ở chính quốc, hơn nữa còn có thể giúp đỡ phong trào công nhân ở chính quốc. Nguyễn Ái Quốc đã khẳng định: "Ngày mà hàng trăm triệu nhân dân châu Á bị tàn sát và áp bức thức tỉnh để gạt bỏ sự bóc lột đê tiện của một bọn thực dân lòng tham không đáy, họ sẽ hình thành một lực lượng khổng lồ, và trong khi thủ tiêu một trong những điều kiện tồn tại của chủ nghĩa tư bản là chủ nghĩa đế quốc, họ có thể giúp đỡ những người anh em mình ở phương Tây trong nhiệm vụ giải phóng hoàn toàn"².

Cho đến nay, chúng ta vẫn chưa biết rõ trong quá trình đi tìm đường cứu nước, Nguyễn Ái Quốc đã đọc những tác phẩm nào của Các Mác. Qua một số tác giả phương Tây, chúng ta chỉ có thể biết Nguyễn Ái Quốc đã nghiên cứu một số tác phẩm chủ yếu của Các Mác, quan trọng nhất là bộ *Tư bản*. Tác giả J. Dorsenne, trong cuốn *Liệu chúng ta có phải rút khỏi Đông Dương không? (Faudra-t-il évacuer l'Indochine?)*, xuất bản tại Pari năm 1932 đã cho biết rằng ở Pari, Nguyễn Ái Quốc đã sống hết sức tiết kiệm để dành tiền kiếm được vào việc mua

sách. Người đọc thâu đêm trên gác trọ lạnh lẽo ở số 9 ngõ Compoinet bộ *Tư bản* của Các Mác.

Còn William J. Duiker cho biết: "Một lần Nguyễn Ái Quốc đã yêu cầu Jean Longuet giải thích về học thuyết Mác. Jean Longuet lưỡng lự và nói rằng câu hỏi quá phức tạp và gợi ý Nguyễn Ái Quốc đọc bộ *Tư bản* của Mác. Sau đó, Nguyễn Ái Quốc đã tới một thư viện gần Quảng trường Italie mượn tác phẩm đồ sộ đó để đọc cùng với một số tác phẩm mácxít khác. Sau này, trong cuốn tự thuật của mình, Ông kể lại rằng Ông đã dùng bộ *Tư bản* làm sách gối đầu giường"³. Tính xác thực của hai sự kiện trên được củng cố thêm khi khảo sát các báo cáo, các bài nghiên cứu của Nguyễn Ái Quốc với nhiều bút danh khác nhau, trên các báo và tạp chí của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế từ năm 1919 đến năm 1930. Chúng ta sẽ có thể nhận ra rằng Nguyễn Ái Quốc đã thể hiện phương pháp "phân tích sự vật cụ thể trong tình hình cụ thể" của Mác. Từ phân tích điều kiện sống, làm việc cho đến phân tích giai cấp, xã hội đều được Nguyễn Ái Quốc thực hiện thông qua các tư liệu thống kê đáng tin cậy từ các nguồn chính thống và phi chính thống mà Nguyễn Ái Quốc kiên nhẫn sưu tầm, nghiên cứu. Tuy nhiên, điều đáng chú ý ở đây là, theo phong cách học tập, nghiên cứu (học phong) truyền thống Việt Nam xưa thì thấu hiểu một học thuyết, một tư tưởng, không phải là đọc và học thuộc mà điều quyết định là phải rút ra được cái ưu điểm, cái tinh túy hay còn gọi là "cái thần" của học thuyết ấy để rồi thực hành đúng thời của điều đã học.

Và theo học phong đó, Nguyễn Ái Quốc rút ra và khẳng định ưu điểm tinh túy nhất của học thuyết Mác là phương pháp biện chứng.

Với phương pháp ấy, Nguyễn Ái Quốc đã phân tích cụ thể các vấn đề cụ thể của công cuộc giải phóng thuộc địa và đã sớm phát hiện

ra nhiều đặc điểm liên quan tới nội dung phong trào cách mạng ở từng nước thuộc địa, từ Viễn Đông tới Ấn Độ, từ Bắc Phi tới Triều Tiên và từ đó dẫn tới phương pháp hành động.

Phân tích tình hình cụ thể của các nước thuộc địa, Nguyễn Ái Quốc đã chứng minh rằng, tính đến ngày 1 - 7 - 1924, sau khi tổ chức khai thác một hệ thống thuộc địa 55.637.000 km² trải gần khắp hành tinh, CNĐQ đã làm biến dạng tính chất tiền tư bản ở các thuộc địa bằng cách phối hợp cách bóc lột phong kiến với bóc lột giá trị thặng dư mà họ mới áp đặt nửa vời nhằm gia tăng siêu lợi nhuận thuộc địa. Hơn nữa, ngay ở những nơi công nghiệp có điều kiện phát triển như ở Nhật Bản thì cuộc đấu tranh giai cấp cũng diễn ra khác với phương Tây. Nguyễn Ái Quốc đã nghiên cứu cụ thể sự khác biệt giữa phong trào công nhân Nhật Bản với công nhân phương Tây và nhấn mạnh: "Khi nói về công nhân nông nghiệp ở Nhật Bản thì cần phải nghiên cứu các tổ chức công nhân nông nghiệp ở phương Tây để so sánh"⁴, rằng: "Trong cuộc đấu tranh giữa tư bản và lao động ở Viễn Đông, có những chuyện thú vị mà ở phương Tây người ta sẽ không hiểu được, nhưng ở đây lại là những chuyện hoàn toàn có thực"⁵.

Sự phân tích tình hình cụ thể đối với toàn bộ vấn đề giải phóng dân tộc và giải phóng thuộc địa đã đưa tầm nhìn của Nguyễn Ái Quốc soi rọi vào lịch sử hình thành học thuyết Mác và trong *Báo cáo về Bắc Kỳ, Trung Kỳ và Nam Kỳ* Hồ Chí Minh đã thẳng thắn khẳng định:

"Cuộc đấu tranh giai cấp không diễn ra giống như ở phương Tây"⁶.

Nhưng tại sao lại có vấn đề phương Tây và phương Đông trong khi học thuyết Mác, vốn từ bản chất lấy công cuộc giải phóng nhân loại làm mục đích? Điều này được Nguyễn Ái Quốc giải thích rõ ràng:

"Mác đã xây dựng học thuyết của mình trên một triết lý nhất định của lịch sử, nhưng lịch sử nào? Lịch sử châu Âu. Mà châu Âu là gì? Đó chưa phải là toàn thể nhân loại.

Mác cho biết rằng sự tiến triển các xã hội trải qua ba giai đoạn: chế độ nô lệ, chế độ nông nô, chế độ tư bản; và trong mỗi giai đoạn ấy, đấu tranh giai cấp có khác nhau. Chúng ta phải coi chừng! Các dân tộc Viễn Đông có trải qua hai giai đoạn đầu không? Từ nhiều thế kỷ nay, họ chẳng hưởng được thái bình hay sao để đến mức làm cho người châu Âu khinh rẻ họ (lười nhác, mê muội hàng nghìn năm .v.v.)?"⁷.

Để xác định lý do lịch sử đã khiến cho cuộc đấu tranh giai cấp ở Việt Nam khác ở phương Tây, Nguyễn Ái Quốc đã phân tích tổng quát bối cảnh xã hội và thực trạng giai cấp ở Việt Nam như một quốc gia hình thành qua lịch sử ngàn năm chứ không phải là Đông Dương thời bấy giờ - một thuộc địa gồm năm xứ ghép lại. "... Xã hội Ấn Độ - Chi na - và tôi có thể nói: Ấn Độ hay Trung Quốc về mặt cấu trúc kinh tế, không giống các xã hội phương Tây thời Trung cổ, cũng như thời cận đại, và đấu tranh giai cấp ở đó không quyết liệt như ở đây.

Mai đây, khi chủ nghĩa tư bản phương Tây làm đổi thay phương Đông thì đấu tranh giai cấp có trở nên quyết liệt không? Đại thể là có, nếu xét gương của Nhật Bản.

Thật ra là có, vì sự Tây phương hoá ngày càng tăng và tất yếu của phương Đông; - nói cách khác, chủ nghĩa Mác sẽ còn đúng cả ở đó. Dù sao thì cũng không thể cấm bổ sung "cơ sở lịch sử" của chủ nghĩa Mác bằng cách đưa thêm vào đó những tư liệu mà Mác ở thời mình không thể có được"⁸.

Xuất phát từ thực tế lịch sử, Nguyễn Ái Quốc đề xuất nhiệm vụ vừa lý luận vừa thực tiễn như sau:

"Xem xét lại chủ nghĩa Mác về cơ sở lịch sử của nó, củng cố nó bằng dân tộc học phương Đông. Đó chính là nhiệm vụ mà các Xôviết đảm nhiệm (ban thuộc địa của chúng tôi vừa nhận được thư mời chúng tôi tham gia công tác này)"⁹.

Từ những phát hiện lớn trên đây đối với sự hình thành học thuyết Mác, Nguyễn Ái Quốc đã xác định một quan niệm về tính thống nhất và liên tục của lịch sử nhân loại cũng như của lịch sử Việt Nam. Sự phát triển của lịch sử có những bước nhảy vọt nhưng vẫn luôn luôn duy trì tính liên tục trong dòng thời gian và phạm vi không gian xác định của nó. "Cách giải thích lịch sử của Nguyễn Ái Quốc như là một quá trình chuyển tiếp liên tục đã đặt Hồ Chí Minh trên một bình diện cách mạng khác hẳn các lãnh tụ cộng sản khác như Staline và Mao Trạch Đông"¹⁰. Và cũng từ đó, Nguyễn Ái Quốc phát hiện ra động lực của tiến trình phát triển của lịch sử Việt Nam từ khi tư bản Pháp dùng bạo lực đưa làn sóng văn minh công nghiệp vào Việt Nam như sau:

"Chủ nghĩa dân tộc là động lực lớn của đất nước. (...)

(...) Chiến tranh đã làm thay đổi chủ nghĩa dân tộc:

1. Chủ nghĩa dân tộc đã hiện đại hoá khi chuyển từ giới thượng lưu này sang giới thượng lưu khác. Chính thanh niên An Nam ngày nay đang chỉ đạo nó.

2. Chủ nghĩa dân tộc ăn sâu vào quần chúng nhờ sự phát triển của các phần tử thành thị và nhất là sự tuyển mộ và trở về của "lính tình nguyện".

3. Trong chủ nghĩa dân tộc có cả lòng căm ghét bọn xâm lược (...).

4. Nó có xu hướng hợp pháp hoá các hình thức biểu hiện và yêu sách của nó. Một mặt chính quyền nhượng bộ. Mặt khác, lớp thanh niên từ bỏ phương pháp tiến hành những cuộc nổi dậy bột phát của lớp người đi trước, v. ngày nay, người ta thiên về chiến thuật của những nhà cách mạng châu Âu: tuyên truyền tổ chức và khởi nghĩa quần chúng. Trong khi lớp người già muốn độc lập ngay thì lớp trẻ yêu sách những thiết chế chuẩn bị cho độc lập...".

(...) "Cương lĩnh của chúng tôi.

Phương hướng chung

Phát động chủ nghĩa dân tộc bản xứ nhằm danh Quốc tế cộng sản. (...) người ta sẽ không thể làm gì được cho người An Nam nếu không dựa trên các động lực vĩ đại, và duy nhất của đời sống xã hội của họ. Khi chủ nghĩa dân tộc của họ thắng lợi... nhất định chủ nghĩa dân tộc ấy sẽ biến thành chủ nghĩa quốc tế"¹¹.

Ở đây có thể thấy rõ sự hình thành tư tưởng Nguyễn Ái Quốc về con đường phát triển của cách mạng Việt Nam là phải đi từ cách mạng dân tộc dân chủ tiến lên cách mạng XHCN. Và để hoàn thành cương lĩnh theo phương châm trên đây, Nguyễn Ái Quốc đã đề xuất một chương trình hành động với một sự phân công cụ thể, có phối hợp chặt chẽ giữa những nước có quan hệ trực tiếp với phong trào cách mạng Đông Dương. Tất cả đều hướng về mục tiêu tiến tới một cuộc khởi nghĩa thắng lợi ở Đông Dương:

"Để có cơ thắng lợi, một cuộc khởi nghĩa vũ trang ở Đông Dương:

1. Phải có tính chất một cuộc khởi nghĩa quần chúng chứ không phải một cuộc nổi loạn. Cuộc khởi nghĩa phải được chuẩn bị trong quần chúng, nổ ra trong thành phố, theo kiểu các cuộc cách mạng ở châu Âu, chứ không phải nổ ra đột ngột ở biên giới Trung Quốc, theo phương pháp của những nhà cách mạng trước đây.

2. Cuộc khởi nghĩa phải được nước Nga ủng hộ. Các Xô viết sẽ cung cấp vũ khí, tiền bạc và các kỹ thuật viên, các binh sĩ, các thủy thủ bản xứ được đào tạo trước đó ở Mátxcơva. Ngoài ra, nước Nga sẽ có một hạm đội khá mạnh ở Thái Bình Dương, để ngăn cản sự can thiệp của một vài cường quốc có thoả thuận với Pháp trong việc chống người bản xứ.

3. Cuộc khởi nghĩa phải trùng hợp với cách mạng vô sản ở Pháp.

4. Sự nghiệp của người bản xứ gắn mật thiết với sự nghiệp của vô sản toàn thế giới; mỗi khi chủ nghĩa cộng sản giành được chút ít thắng lợi trong một nước nào đó, nhất là trong một quốc gia đế quốc chủ nghĩa (nước Đức chẳng hạn) thì đó càng là thắng lợi cả cho người An Nam¹².

Từ 1920, Nguyễn Ái Quốc là người Việt Nam đầu tiên trong lịch sử cách mạng nước ta đã vận dụng học thuyết Mác với một tâm nhìn sáng tạo mang đầy đủ tính chất một chiến lược đối với phong trào giải phóng dân tộc Việt Nam. "Hồ Chí Minh không chỉ đại diện cho một giải pháp khác trong việc giải thoát dân tộc mình khỏi ách ngoại bang, mà vào lúc đó là một giải pháp duy nhất có thể có đối với vấn đề đất nước"¹³.

Ngày 11 - 11 - 1924, Nguyễn Ái Quốc đến Quảng Châu và từ đó trực tiếp định hướng và lãnh đạo cách mạng Việt Nam theo chiến lược đã định, từ tuyên truyền, tập hợp lực lượng, đào tạo cán bộ đến xây dựng tổ chức cách mạng, thúc đẩy phong trào cách mạng ở trong nước, xây dựng các quan hệ quốc tế, gắn Việt Nam với thế giới, kết hợp dân tộc với thời đại. Toàn bộ hoạt động của Nguyễn Ái Quốc từ 1924 đến 1945 đã trực tiếp dẫn tới Cách mạng tháng Tám 1945. Điều chúng tôi muốn nhấn mạnh là Cách mạng tháng Tám đã được Đảng và lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh chuẩn bị chu đáo cả về đường lối, chủ trương và phương pháp cách mạng, lực lượng chính trị và vũ trang,

chính sách đối nội và đối ngoại (đảm bảo tính pháp lý quốc tế), tạo điều kiện chớp thời cơ. Khi thời cơ đến, dưới sự lãnh đạo của Đảng, lực lượng cách mạng mà chủ yếu là lực lượng chính trị, đã phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc, nổi dậy giành chính quyền thắng lợi trong cả nước.

Sinh thời, Mác không đưa ra lời giải sẵn nào cho các vấn đề thực tiễn, nhưng đã để lại cho thế hệ sau "phương pháp biện chứng" và đặc biệt là quan điểm thực tiễn. Trí tuệ phi thường của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh đã sớm nhận thức và vận dụng học thuyết Mác để phân tích cụ thể vấn đề giải phóng dân tộc theo phương pháp và quan điểm đó.

Tâm nhìn sáng tạo chiến lược, ý chí kiên định, trí tuệ phi thường, tình cảm rộng lớn của Hồ Chí Minh kết hợp với sức mạnh dân tộc và xu thế thời đại đã đưa sự nghiệp giải phóng dân tộc Việt Nam tới thắng lợi. Tâm nhìn chiến lược của Hồ Chí Minh đã trở thành phong cách và tư duy Hồ Chí Minh.

Nhờ tiếp nhận học thuyết Mác và vận dụng "linh hồn sống" của học thuyết đó, Hồ Chí Minh đã trở thành vĩ nhân của lịch sử với một sự nghiệp lớn. Với sự nghiệp ấy, "Hồ Chí Minh đã ghi danh đất nước Việt Nam và dân tộc Việt Nam một cách vững chãi trong cuốn biên niên sử của thế giới hiện đại"¹⁴.

1, 2, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 11, 12. *Hồ Chí Minh Toàn tập*, CTQG, H, 1995, T.1, tr. 412, 36, 219, 234, 464, 465, 465, 466-467, 464-469, 469

3. William J. Duiker: *Hồ Chí Minh*, Hyperion, New York, 2000

10, 13, 14. John Lê Văn Hóa, *Tim hiểu nền tảng văn hóa dân tộc trong tư tưởng cách mạng Hồ Chí Minh*, Trường đại học tổng hợp Northwestern, xuất bản tại U.M.I Michigan-USA, 1989, NXB Hà Nội, 2003, tr.25, 28, 30.